

TRƯỜNG ĐH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG HÀ NỘI
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG
BỘ MÔN TÀI CHÍNH

-----***-----

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THUẾ**

Ngành: Kiểm toán

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần:

Tiếng Việt: THUẾ

Tiếng Anh: Taxation

Mã học phần: DTN.02.19

Số tín chỉ: 02

Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động: 96 tiết

+ Nghe giảng lý thuyết:	21 tiết
+ Bài tập	8 tiết
+ Thảo luận, hoạt động nhóm:	6 tiết
+ Kiểm tra:	1 tiết
+ Hoạt động khác (tự học, nghiên cứu, tham quan trải nghiệm):	60 tiết

Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tài chính, Khoa Tài chính- Ngân hàng

Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

1) Họ và tên: PGS,TS. Nguyễn Thị Liên

Chức danh: Giảng viên cao cấp

Thông tin liên hệ: ĐT: 0913588244; Email: [liennt1954@gmail.com/](mailto:liennt1954@gmail.com)

nguyenthilien@fbu.edu.com.vn

2) Họ và tên: ThS. Lưu Đức Tân; Email: ductan.fbu@gmail.com

Chức danh: Giảng viên

3) Họ và tên: TS. Nguyễn Thị Minh Hằng

Chức danh: Giảng viên chính

Thông tin liên hệ: ĐT: 0915595749; Email: minhhangthuehvtc@gmail.com

2. Các môn học tiên quyết: Lý thuyết tài chính-tiền tệ

3. Mục tiêu của học phần:

3.1. Mục tiêu chung:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về Pháp luật thuế, bao gồm các quy định về Hệ thống thuế hiện hành ở Việt Nam; các luật thuế và các văn bản cụ thể hóa luật thuế; sự cần thiết và vai trò của thuế trong đời sống, xã hội. Đồng thời cung cấp cho người học kiến thức về phân loại thuế, cách xác định thuế phải nộp đối với một số sắc thuế của người nộp thuế (NNT); quyền và nghĩa vụ của NNT trong việc khai thuế, nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế; giới thiệu quyền hạn, trách nhiệm của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc ấn định các thứ thuế; quy định mức thuế suất; quy định miễn thuế, giảm thuế và các điều kiện để đảm bảo thu NSNN từ thuế. Thuế là nguồn thu chủ yếu của NSNN nhằm đáp ứng cho nhu cầu chi tiêu của nhà nước trong từng thời kỳ.

3.2. Mục tiêu cụ thể:

Trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận chung về thuế; hệ thống thuế ở Việt Nam; tập trung vào các sắc thuế thường phát sinh trong doanh nghiệp: xác định số thuế phải nộp trong các tình huống đơn giản, đồng thời đảm bảo chấp hành đúng các quy định của pháp luật về hạch toán kế toán, lưu giữ và ghi chép hóa đơn, chứng từ; đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

Rèn luyện cho người học kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; tổ chức, quản lý, điều hành nhóm làm việc có hiệu quả.

Thể hiện phẩm chất chính trị, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng; đạo đức nghề nghiệp; tinh thần hợp tác. Thể hiện năng lực tự chủ, tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tự định hướng, tự nghiên cứu; thể hiện nguyện vọng và ý chí không ngừng học hỏi vươn lên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLO – Courses learning outcomes)

4.1. Nội dung chuẩn đầu ra học phần:

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

CLO 1: Vận dụng các kiến thức về thuế đã học vào việc xác định nghĩa vụ thuế phải nộp của người nộp thuế. Các trường hợp ưu đãi thuế, miễn, giảm thuế.

CLO 2: Vận dụng các quy định của pháp luật: các chính sách, chế độ của Nhà nước về ưu đãi thuế; Các hồ sơ, hóa đơn, chứng từ, sổ kế toán có liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế để tính các khoản thuế phải nộp.

CLO 3: Tính toán chính xác số thuế phải nộp phát sinh trong doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế. Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ phục vụ cho tính thuế.

CLO 4: Rèn luyện cho người học có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; tổ chức, quản lý, điều hành nhóm làm việc có hiệu quả.

CLO 5: Phát triển năng lực tự chủ, tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; thể hiện nguyện vọng học tập suốt đời và ý chí không ngừng vươn lên.

4.2. Ma trận nhất quán giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO):

	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
CLO 1		M									
CLO 2		H									
CLO 3							M				
CLO 4					H						
CLO 5										H	
TỔNG HỢP TOÀN BỘ HỌC PHẦN		H			H		M			H	

Trong đó:

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

4.3. Ma trận nhất quán giữa phương pháp dạy học với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5
Phương pháp thuyết giảng	H	H	H		
Phương pháp phát vấn	H	H	H		M
Phương pháp dạy học nhóm, cặp (thảo luận, làm bài tập, bài tập lớn theo nhóm)	H	H	H	H	M
Hướng dẫn tự học	M	M	M		H
Thuyết trình tích cực	H	H	H	M	H

Trong đó:

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

4.4. Ma trận nhất quán giữa phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá với chuẩn đầu ra học phần (CLO)

Hình thức đánh giá	CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5
Chuyên cần (tham gia đủ 100% số buổi)					H
Hoạt động cá nhân tại lớp (phát biểu, thảo luận, trả	H	H	H		H

lời câu hỏi của GV)					
Hoạt động cá nhân tại nhà (tự học ở nhà theo y/c của gv, tìm kiếm tài liệu, làm bài tập về nhà, viết chuyên đề)	M	M	M		H
Hoạt động nhóm (chuẩn bị bài thuyết trình, trình bày bài thuyết trình, phát biểu bảo vệ ý kiến của nhóm tại lớp)	H	H	H	H	H
Thực hành (tập diễn tình huống, thực tập, chữa bài tập)	H	H		H	M
Kiểm tra giữa kỳ	H	H	H		M
Kiểm tra cuối kỳ (tự luận/ vấn đáp/ trắc nghiệm)	H	H	H		M

Trong đó:

Mức độ đóng góp của CLO và PLO được xác định cụ thể như sau:

L (Low) – CLO có đóng góp ít vào PLO

M (Medium) – CLO có đóng góp vừa vào PLO

H (High) – CLO có đóng góp nhiều vào PLO

5. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp.
- Tham gia thảo luận tại lớp
- Chuẩn bị bài tập thảo luận cá nhân, nhóm được giao.
- Tham gia hai bài kiểm tra giữa kỳ
- Tham gia thi kết thúc học phần.

6. Học liệu:

6.1. Tài liệu bắt buộc:

[1]. Nguyễn Thị Thanh Hoài, Tôn Thu Hiền (2019), Thuế (Giáo trình) – NXB Tài chính

[2]. Lê Xuân Trường, Vương Thị Thu Hiền (2018) Hướng dẫn thực hành môn học thuế - NXB Tài chính.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Vương Thị Thu Hiền (2014), Thuế tiêu dùng (Giáo trình) - Nhà xuất bản Tài chính.

7. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần thuế thuộc khối kiến thức cơ sở ngành TC-NH, nội dung cơ bản của học phần gồm: Khái quát chung về thuế; giới thiệu một số sắc thuế thường phát sinh trong doanh nghiệp và các cơ sở kinh tế, như: Thuế giá trị gia tăng, Thuế tiêu thụ đặc biệt, Thuế xuất, nhập khẩu, Thuế thu nhập doanh nghiệp. Học phần chuẩn bị cho sinh viên những kỹ năng để có thể giải quyết những nghiệp vụ nhất định về thuế phát sinh trong doanh nghiệp và các tổ chức có hoạt động sản xuất, kinh doanh.

8. Kế hoạch giảng dạy:

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Dạy trên lớp (tiết)				Tự học (tiết)	CDR HP	Hoạt động dạy	Hoạt động học
		LT	BT	TLN, TH	KT				
Bài 1	<p>Chương 1. Tổng quan về thuế</p> <p>1.1.Sự ra đời và ohats triển của thuế.</p> <p>1.2. Khái niệm, đặc điểm của thuế.</p> <p>1.3. Vai trò của thuế.</p> <p>1.4. Hệ thống thuế và phân loại thuế.</p> <p>1.5. Các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế</p>	3				3	CLO 1,	<p>Thuyết giảng, Phát vấn;</p> <p>-Nghe giảng, trả lời câu hỏi</p> <p>-Nội dung tự học:</p> <p>+ Đọc trước giáo trình chương 1 từ trang 09 đến trang 24</p> <p>+ Nghiên cứu và trả lời câu hỏi từ câu 1 đến hết câu 7, trang 8, Sách hướng dẫn thực hành môn thuế.</p> <p>+ Phân nhóm thuyết trình và học tập</p>	
Bài 2	<p>Chương 2: Thuế giá trị gia tăng (GTGT)</p> <p>2.1.Khái niệm, đặc điểm của thuế GTGT.</p> <p>2.2.Nội dung cơ bản của thuế GTGT hiện hành ở Việt Nam</p> <p>2.2.1. Phạm vi áp dụng</p> <p>2.2.2. Căn cứ tính thuế</p>	3				6	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	<p>Thuyết giảng, Phát vấn, Hướng dẫn tự học</p> <p>-Nghe giảng, trả lời câu hỏi.</p> <p>- Nội dung tự học</p> <p>+ Đọc trước giáo trình chương 2 từ mục 2.1 đến hết mục 2.2.1</p> <p>+ Đọc trước giáo trình chương 2, mục 2.2.2 đến hết 2.2.3.</p> <p>+ Nghiên cứu và trả lời câu hỏi trong Hệ thống câu hỏi hướng dẫn</p>	

									nghiên cứu chương 1 trang 29 +Phân nhóm thuyết trình
Bài 3	Chương 2. Thuế GTGT (tiếp) 2.2.3.Phương pháp tính thuế 2.2.4.Hóa đơn, chứng từ mua bán hàng hóa dịch vụ 2.2.5. Khai thuế, nộp thuế.	3				6	CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5,	Thuyết giảng, Phát vấn Hướng dẫn tự học.	-Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thuyết trình - Nội dung tự học: + Đọc trước giáo trình chương 2 từ trang 55 đến hết trang 71. + Làm bài tập từ bài 20 (trang 33) đến hết bài 25 (trang 37)
Bài 4	Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt 3.1.Khái niệm, đặc điểm của thuế TTĐB 3.2.1.Phạm vi áp dụng 3.2.2.Căn cứ tính thuế 3.2.3.Khấu trừ thuế TTĐB 3.2.4.Hóa đơn, chứng từ	3				6	CLO 1 CLO 2, CLO 3 CLO 4	Thuyết giảng, Phát vấn, Hướng dẫn tự học.	- Nghe giảng, trả lời câu hỏi. - Nội dung tự học: + Đọc giáo trình chương 3 từ trang 81 đến hết trang 87. -Trả lời câu hỏi - Làm các bài tập từ bài 28 đến hết bài 34 (từ trang 39 đến trang 44).
Bài 5	Chữa bài tập chương 2, chương 3		3			6	CLO 2 CLO 3	Cá nhân làm bài tập và tổ chức học tập theo nhóm,	+ Các nhóm trao đổi và chữa bài. + Chữa một số bài tập đã cho
Bài 6	Chương 4: Thuế xuất, nhập khẩu.	3				6	CLO 1, CLO 2,	Thuyết giảng, Phát	-Nghe giảng, trả lời câu hỏi.

	<p>4.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế xuất khẩu, nhập khẩu</p> <p>4.2.1. Phạm vi áp dụng</p> <p>4.2.2. Căn cứ tính thuế</p> <p>4.2.3. Tỷ giá.</p>						CLO 3,	vấn; Hướng dẫn tự học	<p>-Nội dung tự học:</p> <p>+ Đọc giáo trình chương 4 từ trang 106 đến 122.</p> <p>+ làm các bài tập từ bài 35, 36, 37. Trang từ 44 đến 46</p> <p>+ Bài tập: bài 19/196; Bài 20/199.</p>
Bài 7	Thảo luận + KT bài 01			2	1	6	CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	Hướng dẫn TL.	
Bài 8	<p>Chương 5</p> <p>Thuế thu nhập doanh nghiệp</p> <p>5.1. Khái niệm, đặc điểm thuế TNDN</p> <p>5.2. Nội dung cơ bản của thuế TNDN</p>	3				6	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn tự học.	<p>-Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thuyết trình</p> <p>-Nội dung tự học:</p> <p>+ Đọc trước giáo trình chương 5 từ trang 152 đến trang 200</p>
Bài 9	<p>Chương 5. (tiếp)</p> <p>5.2.1. Người nộp thuế</p> <p>5.2.2. Phương pháp tính thuế</p> <p>5.2.3. Căn cứ tính thuế</p> <p>5.2.4. Căn cứ tính thuế đối với những lĩnh vực đặc thù</p>	3				3	CLO 1, CLO 2, CLO 3,	Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn tự học.	<p>-Nghe giảng, trả lời câu hỏi, thuyết trình.</p> <p>-Nội dung tự học:</p> <p>+ Đọc trước giáo trình chương 5 trang 152 đến 200.</p> <p>+ Trả lời câu hỏi từ câu 75 đến hết câu 93 (trang 15, 16).</p> <p>+ Đọc giáo trình chương 5 từ trang 152 đến 200.</p> <p>+ Bài tập: từ 115 đến hết 120 từ trang 83 đến hết trang 86</p>

									<p>+ Bài tập từ bài 43 đến hết bài 47 từ trang 262 đến hết trang 275.</p> <p>- Nội dung tự học: Độc 5.2.4.2; 5.2.4.3; 5.2.4.4 Từ trang 201 đến 205</p>
Bài 10	Bài tập các chương	3				6	CLO 1, CLO 2, CLO 3, Thuyết giảng; Phát vấn; Hướng dẫn tự học	<p>-Nghe giảng, trả lời câu hỏi.</p> <p>-Giao các nhóm câu hỏi thảo luận.</p> <p>-Nội dung tự học: + Đọc giáo trình chương 5 từ trang 152 đến 200. + Bài tập: từ 115 đến hết 120 từ trang 83 đến hết trang 86 + Bài tập từ bài 43 đến hết bài 47 từ trang 262 đến hết trang 275</p>	
Bài 11	Bài tập các chương		2	1		3	Thuyết giảng; Phát vấn; thảo luận nhóm	<p>Nghe giảng</p> <p>- Nội dung tự học: Độc 5.2.4.2; 5.2.4.3; 5.2.4.4 Từ trang 201 đến 205</p>	
Bài 12	thảo luận c5			3		3			
	Tổng số tiết	21	8	6	1	60			
	Tổng tiết chuẩn	21	8	3	1	60			

9. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- Tên giảng đường:

- Danh mục trang thiết bị (bao gồm cả phương tiện công nghệ): máy chiếu, laptop, bút dạ viết bảng, phấn, bút chỉ slide.

10. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập:

10.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá:

10.1.1. Kiểm tra – đánh giá thường xuyên:

Kiểm tra – đánh giá thường xuyên và kiểm tra – đánh giá định kỳ.

10.2. Kiểm tra - đánh giá định kỳ

Hình thức đánh giá	Phần trăm	Yêu cầu chung, mục đích, cơ sở lý luận, minh chứng
1. Chuyên cần (kiểm tra đánh giá thường xuyên trên lớp: 01 điểm)	10%	Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none">Sinh viên có mặt, tham gia đầy đủ 100% buổi học, giờ học.Sinh viên tích cực phát biểu. Mục đích: <ul style="list-style-type: none">Đánh giá thái độ học tập: sự chăm chỉ, nghiêm túc, kỷ luật, sự hào hứng, say mê học tập.
2. Viết bài theo chủ đề (kiểm tra định kỳ: 1 bài)	10 %	Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none">Sinh viên làm việc độc lập.Sinh viên sẽ viết các bài theo các chủ đề đã học (khoảng 3-4 chủ đề). Điểm của sinh viên sẽ được đánh giá là điểm trung bình cộng của các bài viết. Mục đích: <ul style="list-style-type: none">Giúp sinh viên hệ thống lại kiến thức, phát triển kỹ năng phân tích, kỹ năng trình bày vấn đề bằng văn bản, kỹ năng lập luận.
3. Kiểm tra giữa kỳ (trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp)	20%	Yêu cầu: <ul style="list-style-type: none">Sinh viên thực hiện bài kiểm tra trong khoảng thời gian nhất định. Mục đích: <ul style="list-style-type: none">Ghi nhớ kiến thức đã học.Có biện pháp cải tiến phương pháp học tập để đạt kết quả tốt hơn vào cuối kỳ.

4. Thi hết học phần (trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp)	60%	Yêu cầu chung: <ul style="list-style-type: none"> • Sinh viên nghiên cứu kỹ các mục tiêu của bài tập cần đạt. • Đọc, ghi nhớ tài liệu để có cơ sở lý thuyết cho bài tập phân tích tình huống. Mục đích: <ul style="list-style-type: none"> • Khuyến khích sinh viên chủ động tìm tòi, nghiên cứu. • Tăng cường khả năng quan sát, tư duy và lập luận logic và phê phán.
--	-----	---

10.2. Miêu tả chi tiết các bài tập và bộ tiêu chí đánh giá:

Tiêu chí đánh giá (Rubrics định tính cho bài thi hết học phần tự luận)

Mức chất lượng	Điểm	Mô tả mức chất lượng	Ghi chú
Xuất sắc	9-10	Nội dung đầy đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. Có phân tích mở rộng (phân tích đúng hướng và đủ ý). Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, xúc tích, logic. Không có lỗi về thuật ngữ chuyên môn. Không có lỗi chính tả.	
Khá – Giỏi	7-8	Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. Có mở rộng, phân tích đúng hướng nhưng chưa đủ ý. Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. Còn lỗi chính tả.	
Trung bình	5-6	Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. Không phân tích. Trình bày không rõ ý, chưa logic. Còn lỗi chính tả.	
Yếu	3-4	Trả lời sai, lạc đề, hoặc phần trả lời đúng dưới mức 50% câu hỏi. Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 50%. Không hiểu câu hỏi. Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (5-6 lỗi). Nhiều lỗi chính tả.	
Kém	0-2	Trả lời sai, lạc đề, phần trả lời đúng dưới mức 20%.	

		<p>Không làm hết câu hỏi, bỏ đến 80% nội dung.</p> <p>Không hiểu câu hỏi.</p> <p>Không hiểu các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 6 lỗi).</p> <p>Diễn đạt không rõ ý.</p> <p>Nhiều lỗi chính tả.</p>	
--	--	---	--

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2019

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người soạn đề cương





PGS. TS. Nguyễn Thị Liên

TS. Bạch Đức Hiền

PGS, TS. Nguyễn Thị Liên